

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN CHÂU  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 12 - 7 - 2022.  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Minh Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Dũng Nhân;
2. Ông Hoàng Văn Hữu.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Trọng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thái Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1993; nơi cư trú: Tổ 7, ấp Cây Cày, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Bị đơn: Anh Võ Tấn T1, sinh năm 1991; nơi cư trú: Tổ 7, ấp Cây Cày, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 5 năm 2022, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:* Về hôn nhân: Chị và anh T1 chung sống vào năm 2014, có đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất

đồng quan điểm sống không còn tin tưởng nhau. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2021 đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh T1.

Về con chung: Sinh được 02 con tên Võ Tấn Phát, sinh ngày 09/7/2015 và tên Võ Thiên Kim, sinh ngày 13/9/2019 hiện cháu Phát đang sống chung với anh T1 còn cháu Kim sống chung với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Kim, giao cháu Phát cho anh T1 nuôi dưỡng không ai cấp dưỡng nuôi con.

Về T1 sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không thiếu nợ ai.

Tại bản khai ngày 14/6/2022 anh Võ Tấn T1 trình bày: Anh thừa nhận lời trình bày của chị T về hôn nhân, con chung, T1 sản chung, nợ chung là đúng. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh yêu cầu nuôi dưỡng cháu Phát giao cháu Kim cho chị T nuôi dưỡng không ai cấp dưỡng nuôi con.

Về T1 sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không thiếu nợ ai.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tổng đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Cẩm T đối với anh Võ Tấn T1.

Chị Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với anh Võ Tấn T1.

Về con chung: Ghi nhận anh T1 đồng ý để chị T trực tiếp nuôi con chung tên Võ Thiên Kim, sinh ngày 13/9/2019, chị T đồng ý để anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng cháu Võ Tấn Phát, sinh ngày 09/7/2014, ghi nhận chị T, anh T1 không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị T và anh T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được quyền cản trở.

Về T1 sản chung: Ghi nhận chị T, anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T, anh T1 trình bày không thiếu nợ ai.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào T1 liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về người tham gia tố tụng: Chị T, anh T1 vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị T, anh T1 chung sống có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Chị T cho rằng mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, sống không còn tin tưởng nhau nên yêu cầu ly hôn với anh T1. Anh thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đồng ý ly hôn nên Tòa án ghi nhận.

[3] Về con chung: Chị T có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Kim, giao cháu Phát cho anh T1 nuôi dưỡng, anh T1 đồng ý nên Tòa án ghi nhận. Ghi nhận chị T, anh T1 không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị T và anh T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được quyền cản trở.

[4] Về T1 sản chung: Ghi nhận chị T, anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị T, anh T1 trình bày không thiếu nợ ai.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Tuyên xử chị Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn anh Võ Tấn T1.

2. Về con chung: Ghi nhận anh T1 đồng ý để chị T trực tiếp nuôi con chung tên Võ Thiên Kim, sinh ngày 13/9/2019, chị T đồng ý để anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng cháu Võ Tấn Phát, sinh ngày 09/7/2014, ghi nhận chị T, anh T1 không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị T và anh T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được quyền cản trở.

3. Về T1 sản chung: Ghi nhận chị T, anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị T, anh T1 trình bày không thiếu nợ ai.

5. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà chị T đã nộp theo biên lai thu số 0007297 ngày 17/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Báo cho chị T, anh T1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS Tân Châu;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Phạm Minh Tuấn**